TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/**2024/DS-ST
Ngày: 18-6-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long.

2. Ông Lê Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn*: 1/ Nguyễn Thị Hồng T1 – sinh năm 1985.

2/ Nguyễn Văn S – sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên toà

Chị T1, anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:

Chị đã nhiều lần cho vợ chồng chị T1 và anh S mượn tiền, có lần 100.000.000 đồng, có lần 70.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền chị T1, anh S có viết biên nhận nợ cho chị, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay từ 02 tháng đến 03 tháng sẽ trả. Đồng thời chị có cho chị T1 mượn số tiền 93.400.000 đồng, mượn góp hàng tháng theo như chơi hụi, thỏa thuận góp mỗi tháng 10.000.000 đồng (hai bên không làm biên nhận nợ). Sau khi vay tiền, chị T1 không có trả tiền lãi cho tôi theo thỏa thuận vì chị T1 có thỏa thuận sau khi trả hết vốn sẽ trả luôn tiền lãi.

Đến tháng 6/2023, giữa chị và vợ chồng chị T1, anh S có tính lại số tiền còn nợ (sau khi đã cấn trừ số tiền đã trả), hai bên thống nhất anh S và chị T1 còn nợ chị số tiền 250.000.000 đồng, chị T1 và anh S có ký giấy cam kết trả nợ và thỏa thuận bắt đầu trả nợ từ ngày 20/7/2023 nhưng cho đến nay anh S và chị T1 vẫn chưa trả tiền theo thỏa thuận.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị T1 và anh S trả cho chị số tiền 250.000.000 đồng, chị không yêu cầu chị T1 và anh S trả lãi đối với số tiền nêu trên, chị yêu cầu chị T1 và anh S trả cho chị ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Văn S vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị T1, anh S trả cho chị số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T yêu cầu chị T1, anh S trả số tiền vay là 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với bị đơn chị T1, anh S đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng chị T1, anh S không đến tham dự phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T1, anh S.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu chị T1 và anh S trả cho chị số tiền vay là 250.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn chị T đã cung cấp các biên nhận bản chính thể hiện chị T1 và anh S có vay tiền và hiện còn nợ chị số tiền 250.000.000 đồng. Đồng thời,

quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập chị T1 và anh S không đến Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T1 và anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận và buộc chị T1 và anh S trả cho chị T số tiền 250.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Chị T không yêu cầu chị T1, anh S trả lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T1, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với chị Nguyễn Thị Hồng T1 và anh Nguyễn Văn S.

Buộc chị T1, anh S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 250.000.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T1, anh S chậm trả số tiền nêu trên thì chị T1, anh S còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Chị T1, anh S phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền 6.250.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0010860 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh